

Chị và anh Lê Tiến H lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 19/03/2019 tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh D. Anh chị kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu một thời gian dài trước khi kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng về quan điểm trong cuộc sống. Hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân hết sức nặng nề. Mâu thuẫn ngày càng kéo dài trầm trọng, đến tháng 09/2020 chị đã chuyển ra ngoài sinh sống không còn ở cùng với anh H nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với anh Lê Tiến H.

Về con chung: Chị và anh Lê Tiến H có 01 con chung là cháu Lê Tiến Gia B (nam), sinh ngày 28/06/2019. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Chị và anh H xác nhận không ai nợ ai và không ai cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị đồng ý chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

***Trong suốt quá trình tiến hành giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Tiến H vắng mặt không tham gia**

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã đi xác minh tại Trung tâm ứng dụng Công nghệ thông tin – Văn phòng Đại học Quốc gia Hà Nội nơi anh Lê Tiến H làm việc, Trung tâm có xác nhận việc từ tháng 05/2021 anh Lê Tiến H không đến trung tâm để làm việc theo yêu cầu của trung tâm và việc ông H ở đâu trung tâm không có thông tin. Tòa án đã tiến hành ủy thác vào Tòa án nhân dân thị trấn P, tỉnh D để xác minh về việc anh Lê Tiến H có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ tổ dân phố x, thị trấn B, tỉnh Hà Tĩnh nhưng từ tháng 03/2021 anh H đã không có mặt tại địa phương, đi vào Sài Gòn nhưng địa chỉ nào gia đình không biết và không có liên hệ. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến phiên tòa cho anh Lê Tiến H. Tòa án tiến hành thông báo, cấp, tổng đạt hợp pháp, hợp lệ cho bị đơn là anh Lê Tiến H theo thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179, Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự.

****Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa có ý kiến như sau:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điểm e khoản 1 điều 192 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy thụ lý đơn ly hôn của

chị Nguyễn Thị Thu H là đúng thẩm quyền; tiến hành phân công Thẩm phán, thư ký theo đúng quy định tại điều 195, 197 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đã tiến hành tổng đạt cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại các điều 177, 178, 179 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; quá trình giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa dân sự sơ thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử. Nguyên đơn tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án, đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 21; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu ly hôn đối với anh Lê Tiến H. Giao cháu Lê Tiến Gia B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung và công nợ các bên không có yêu cầu nên không yêu cầu giải quyết. Về án phí chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Lê Tiến H có xác nhận là nhân viên của Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin – Văn phòng Đại học Quốc gia Hà Nội có địa chỉ tại số 144 đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội nên căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội.

[2] Về quá trình tiến hành tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã đi xác minh tại nơi làm việc của anh H là Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin – Văn phòng Đại học Quốc gia Hà Nội và được cung cấp thông tin từ tháng 05/2021 đến nay, anh H không đến Trung tâm làm việc và ở đâu thì Trung tâm không có thông tin. Tòa án đã tiến hành ủy thác vào Tòa án nhân dân thị trấn P, tỉnh D để xác minh về việc anh Lê Tiến H có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ tổ dân phố x, thị trấn B, tỉnh H Tĩnh nhưng từ tháng 03/2021 anh H đã không có mặt tại địa phương, đi vào Sài Gòn nhưng địa chỉ nào gia đình không biết và không có liên hệ. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến phiên tòa cho anh Lê Tiến H. Tòa án tiến hành thông báo, cấp, tổng đạt hợp pháp, hợp lệ cho bị đơn là anh Lê Tiến H theo thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng

theo quy định tại Điều 179, Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 17/03/2022 có mặt nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H, vắng mặt bị đơn là anh Lê Tiến H mặc dù đã được tổng đạt hợp pháp bằng việc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Tiến H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng về quan điểm trong cuộc sống. Hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân hết sức nặng nề. Mâu thuẫn ngày càng kéo dài trầm trọng, đến là tháng 09/2020 chị đã chuyển ra ngoài sinh sống không còn ở cùng với anh H nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với anh Lê Tiến H. Tại các buổi làm việc của Tòa án anh Lê Tiến H vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến Hành xác minh tại nơi cư trú và đăng báo trên các phương tiện thông tin đại chúng 3 số liên tiếp nhưng vẫn không nhận được sự phản hồi của anh H. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Tiến Gia B (nam), sinh ngày 28/06/2019. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc anh H đang làm gì ở đâu không ai biết nên Hội đồng xét xử xem xét việc giao con chung là cháu Lê Tiến Gia B cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi có sự thay đổi khác.

[5] Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[6] Về khoản nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[7] Về án phí: chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Áp dụng: Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 147; 192; 203; khoản 1 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 235; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

***Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Lê Tiến H. Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Lê Tiến H.

Về con chung: Xác định chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Tiến H có 01 con chung là cháu Lê Tiến Gia B (nam), sinh ngày 28/06/2019. Giao cháu Lê Tiến Gia B cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Lê Tiến H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Tòa án không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2020/0017603 ngày 13/05/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị Thu H và vắng mặt anh Lê Tiến H. Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Anh Lê Tiến H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Cầu Giấy
- THA DS Q.Cầu Giấy
- UBND thị trấn B, huyện C, Tỉnh D;
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Ngân

